

ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ BÌNH HÒA

CÂN ĐỐI DỰ TOÁN NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2026
(Dự toán đã được Hội đồng nhân dân quyết định)

ĐVT: 1000 đồng

NỘI DUNG THU	DỰ TOÁN	NỘI DUNG CHI	DỰ TOÁN
TỔNG SỐ THU	207.284.000	TỔNG SỐ CHI	207.284.000
I. Các khoản thu xã hưởng 100%	12.110.000	I. Chi đầu tư phát triển	3.749.000
II. Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ	14.279.000	II. Chi thường xuyên	199.617.000
III. Thu bổ sung	180.895.000	III. Dự phòng	3.918.000
- Bổ sung cân đối ngân sách	173.430.000		
- Bổ sung có mục tiêu	7.465.000		
IV. Thu chuyển nguồn			

DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2026
(Dự toán đã được Hội đồng nhân dân quyết định)

Đơn vị: 1000 đồng

ST T	Nội dung	Dự toán năm 2026	
		Thu NSNN	Thu NSX
A	B	3	4
	TỔNG THU	207.284.000	207.284.000
I	Các khoản thu 100%	12.110.000	12.110.000
	Phí, lệ phí	440.000	440.000
	Lệ phí trước bạ	7.590.000	7.590.000
	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	30.000	30.000
	Thu khác	4.050.000	4.050.000
II	Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%)	14.279.000	14.279.000
1	Các khoản thu phân chia		
2	Các khoản thu phân chia khác do cấp tỉnh quy định	14.279.000	14.279.000
	Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.180.000	2.180.000
	Thuế giá trị gia tăng	8.350.000	8.350.000
	Thu tiền sử dụng đất	3.749.000	3.749.000
III	Thu viện trợ không hoàn lại trực tiếp cho xã (nếu có)		
IV	Thu chuyển nguồn		
V	Thu kết dư ngân sách năm trước		
VI	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	180.895.000	180.895.000
1	Thu bổ sung cân đối	173.430.000	173.430.000
2	Thu bổ sung có mục tiêu	7.465.000	7.465.000

DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2026
(Dự toán đã được Hội đồng nhân dân quyết định)

ĐVT: 1000 đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM 2026		
		TỔNG SỐ	ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN	THƯỜNG XUYÊN
A	B	1=2+3	2	3
	TỔNG CHI	207.284.000	3.749.000	203.535.000
	Trong đó:			
1	Chi giáo dục và đào tạo	119.473.000		119.473.000
2	Chi ứng dụng, chuyển giao công nghệ			
3	Chi y tế			
4	Chi văn hóa, thông tin	350.000		350.000
5	Chi phát thanh, truyền thanh	200.000		200.000
6	Chi thể dục thể thao	350.000		350.000
7	Chi bảo vệ môi trường	3.000.000		3.000.000
8	Chi các hoạt động kinh tế	8.198.000		8.198.000
9	Chi hoạt động của cơ quan quản lý Nhà nước, Đảng, đoàn thể	34.052.000		34.052.000
10	Chi cho công tác xã hội	23.185.000		23.185.000
11	Chi quốc phòng	4.776.000		4.776.000
12	Chi an ninh	2.167.000		2.167.000
13	Chi khác	3.866.000		3.866.000
14	Dự phòng ngân sách	3.918.000		3.918.000